

Bản án số: 200/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Hoàng Hiệp

2. Ông Bùi Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Giang Tân Sỹ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 326/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 412/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh ngày 01/01/1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Căn cước công dân số 094183XXXX

- Bị đơn: Anh Huỳnh Văn T1, sinh ngày 01/01/1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Căn cước công dân số 094079XXXX.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2026, nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:*

Chị T và anh Huỳnh Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã T, thành Phố Cần Thơ) ngày 24/02/2006. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh T1 không quan tâm cho vợ con, chị đã nhiều lần cho anh T1 cơ hội nhưng anh T1 không thay đổi, do mục đích hôn nhân không đạt nên đã sống ly thân từ tháng 6/2025 đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người

con chung gồm cháu Huỳnh Khắc C, sinh ngày 26/12/2006 đã trưởng thành, có khả năng lao động và cháu Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày 09/8/2014 hiện nay đang sống chung với chị T.

Chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim N, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 29-7-2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Văn T1 trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong cuộc sống hàng ngày thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn cãi nhau nhưng anh còn thương vợ và con nên anh T1 không đồng ý ly hôn, mong muốn được hàn gắn.

Về con chung: Anh T1 đồng ý giao cháu Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày 09/8/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng con. Còn cháu Huỳnh Khắc C, sinh ngày 26/12/2006 đã trưởng thành, có khả năng lao động tự sinh sống, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh T1, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim N, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T được ly hôn với anh T1; về con chung ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao cháu Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày 09/8/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Còn cháu Huỳnh Khắc C, sinh ngày 26/12/2006 đã trưởng thành, có khả năng lao động tự sinh sống, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về án phí nguyên đơn chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh T1, cư trú tại xã T, thành phố Cần Thơ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã T, thành phố Cần Thơ). Xét thấy, việc kết hôn của chị T và anh T1 được đăng ký theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hôn nhân hợp pháp. Chị có quyền nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình

[3] Nguyên đơn chị Dương Thị T cho rằng, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm gia đình, chị T đã cho cơ hội sửa đổi nhiều lần nhưng anh T1 không thay đổi, chị T và anh T1 đã không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2025 đến nay. Bị đơn anh Huỳnh Văn T1 cho rằng trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, anh thừa nhận thiếu quan tâm vợ con nhưng anh còn thương vợ con, không đồng ý ly hôn, mong muốn được hàn gắn và sửa đổi.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân là phải do cả hai bên thật sự tự nguyện, mong muốn chung sống cùng nhau, hôn nhân hạnh phúc khi cả vợ và chồng cùng quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; hiện tại chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn, chị T cương quyết yêu cầu ly hôn, không đồng ý hàn gắn. Hiện nay chị T và anh T1 không còn sống chung với nhau; thực tế vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc cho nhau, không cùng nhau chia sẻ trong cuộc sống. Như vậy, hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng cũng không có hạnh phúc. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh T1 thống nhất trình bày có hai người con chung gồm cháu Huỳnh Khắc C, sinh ngày 26/12/2006 đã trưởng thành, có khả năng lao động tự sinh sống và cháu Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày 09/8/2014 hiện nay đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim N. Xét thấy, hiện nay cháu N đang sống ổn định với chị T, tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Văn T1 thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn về việc giao con chung Huỳnh Thị Kim N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời cháu cũng có nguyện vọng sống với chị T. Để đảm bảo môi trường sống, tránh gây xáo trộn tâm lý và ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện về thể chất lẫn tinh thần của cháu Huỳnh Thị Kim N, nên ghi nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con giữa chị T và anh T1, giao cháu Huỳnh Thị Kim N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Còn cháu Huỳnh Khắc C, sinh ngày 26/12/2006 đã trưởng thành và có khả năng lao động,

không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con; nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng; về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm, chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Văn T1.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Dương Thị T và anh Huỳnh Văn T1, giao cháu Huỳnh Thị Kim N, sinh ngày 09/8/2014 cho chị Dương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Huỳnh Văn T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con; nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng; về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000482 ngày 08/7/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Chị Dương Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS Thành phố Cần Thơ;
- UBND xã T, Thành Phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Phượng

